

**TRAO ĐỔI**



**Ý KIẾN**

## **ĐỀ XUẤT KHUÔN KHỔ CHÍNH SÁCH VÀ GIẢI PHÁP HỖ TRỢ QUẢN LÝ RỪNG CỘNG ĐỒNG Ở VIỆT NAM**

**NGUYỄN HỒNG QUÂN  
PHẠM XUÂN PHƯƠNG**

*LTS. Vai trò của cộng đồng trong quản lý rừng và đất đai hiện nay ở Việt Nam là vấn đề được tranh luận rất nhiều, đặc biệt dưới góc độ khuôn khổ pháp lý. Để góp thêm tiếng nói về lĩnh vực này, Tạp chí Dân tộc học trân trọng giới thiệu bài viết của Tiến sĩ Nguyễn Hồng Quân và đồng chí Phạm Xuân Phương - hiện đang tham gia trong Tổ công tác quốc gia về Quản lý rừng cộng đồng, thuộc Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn. Tạp chí hy vọng sẽ nhận được nhiều ý kiến trao đổi của bạn đọc.*

Quá trình chuyển hướng chiến lược ngành lâm nghiệp Nhà nước sang lâm nghiệp nhân dân (lâm nghiệp xã hội) ở nước ta trong thời gian qua đã tạo ra nhiều nhân tố tích cực mới, đặc biệt là sự đa dạng hoá các hình thức quản lý và phương thức tiếp cận mới về quản lý tài nguyên rừng.

Quản lý tài nguyên rừng có sự tham gia của cộng đồng dân cư địa phương là một trong những hình thức đang được sự quan tâm của các cơ quan quản lý lâm nghiệp và các cấp chính quyền địa phương. Thực tiễn đã cho thấy, quản lý rừng có sự tham gia của cộng đồng là hình thức có tính khả thi về kinh tế - xã hội, bền vững về sinh thái và tiết kiệm chi phí cho Nhà nước. Vì vậy, việc tạo ra khuôn khổ pháp lý để cộng đồng tham gia bảo vệ và phát triển rừng là một nhiệm vụ mang tính chiến lược, hoàn toàn phù hợp với quá trình thực hiện chủ trương xã hội hoá nghề rừng, huy động nguồn lực sẵn có của người dân và cộng đồng dân cư trong sự nghiệp bảo vệ, phát triển rừng ở Việt Nam.

Mục tiêu của bài viết này nhằm làm rõ kết quả phân tích chính sách liên quan đến quản lý rừng cộng đồng (QLRCD) ở

nước ta trong thời gian qua, trên cơ sở đó đề xuất khuôn khổ chính sách và các giải pháp nhằm hỗ trợ và mở rộng QLRCD ở Việt Nam.

### **I. KHÁI QUÁT KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN QLRCD Ở VIỆT NAM**

Khi khái quát các kết quả phân tích chính sách liên quan đến QLRCD, chúng tôi cố gắng trả lời 2 câu hỏi chính sau đây:

a. Khuôn khổ chính sách ở cấp quốc gia và cấp tỉnh hiện nay có liên quan đến vấn đề QLRCD tại các địa phương như thế nào? Những chính sách nào chưa dựa trên cơ sở thực tiễn?

b. Rừng cộng đồng có tồn tại trong thực tiễn hay không? Nếu có thì vị trí và tiềm năng của hình thức QLRCD trong hệ thống quản lý tài nguyên rừng ở Việt Nam như thế nào?

Cho đến nay ở Việt Nam, chưa có văn bản luật nào đề cập đến vị trí pháp lý của cộng đồng. Bộ Luật Dân sự (1995) cũng không quy định cộng đồng dân cư làng (bản) là một tổ chức có tư cách pháp nhân. Song do yêu cầu của thực tiễn, một

số văn bản dưới luật lại đề cập đến vai trò của cộng đồng dân cư làng (bản), như: Quy định trưởng làng (bản) là người đại diện cho cộng đồng dân cư làng (bản); tổ chức hội nghị làng(bản) để thảo luận và quyết định các công việc của nội bộ cộng đồng dân cư, hướng dẫn xây dựng quy ước bảo vệ và phát triển rừng trong cộng đồng làng (bản).

Đến nay ở nước ta, cũng không có văn bản pháp luật hiện hành nào công nhận quyền và trách nhiệm của cộng đồng dân cư làng (bản) là chủ nhân quản lý rừng. Các văn bản pháp luật về đầu tư và tín dụng không quy định cộng đồng dân cư trong nước khi tham gia vào các hoạt động lâm nghiệp. Những văn bản pháp quy liên quan đến chính sách hưởng lợi từ rừng chỉ quy định các đối tượng được hưởng lợi là hộ gia đình, cá nhân và tổ chức xã hội, song khái niệm tổ chức ở đây không bao gồm cộng đồng dân cư làng (bản).

Mặc dù chưa có các văn bản pháp lý quy định tư cách pháp nhân và quyền hạn, trách nhiệm của cộng đồng dân cư làng (bản), song trong những năm qua, đã có sự vận dụng và thực thi các chính sách lâm nghiệp của Nhà nước liên quan đến quản lý rừng cộng đồng ở cấp tỉnh. Một số tỉnh như Đắk Lắk và Sơn La đã có văn bản mang tính pháp lý (quyết định, chỉ thị) về việc triển khai giao đất, giao rừng cho cộng đồng thuộc địa phương mình, thừa nhận cộng đồng là một đối tượng được giao đất, giao rừng và có tư cách như một chủ rừng thực sự.

Các tổ chức lâm nghiệp Nhà nước (ban quản lý rừng đặc dụng, ban quản lý rừng phòng hộ, lâm trường quốc doanh) đã thực hiện giao khoán rừng và đất lâm nghiệp cho cộng đồng bảo vệ và phát triển rừng thông qua hợp đồng khoán ngắn hạn hoặc

dài hạn. Cộng đồng, với tư cách là bên nhận khoán có trách nhiệm tổ chức lực lượng bảo vệ rừng và chịu trách nhiệm về kết quả thu được. Cộng đồng được hưởng các quyền lợi do bên giao khoán chi trả (tiền hoặc hiện vật) và được phép thu hoạch các loại lâm sản phụ trong rừng theo quy định.

Trong thời gian qua, có tỉnh đã ban hành văn bản mang tính pháp lý công nhận cộng đồng có thể được vay vốn đầu tư, được hưởng ưu đãi vay tín dụng đầu tư khi tham gia vào các hoạt động bảo vệ, khoanh nuôi, tái sinh và trồng rừng. Có tỉnh mạnh dạn thử nghiệm ban hành chính sách quy định quyền hưởng lợi từ rừng đối với các cộng đồng và hộ gia đình tham gia bảo vệ và gây trồng rừng. Một số tỉnh chỉ đạo xây dựng thử nghiệm mô hình cộng đồng tham gia bảo vệ và gây trồng rừng làm cơ sở cho việc triển khai mở rộng, giao rừng cho cộng đồng và xây dựng các chính sách liên quan đến QLRCĐ.

Việc các tỉnh vận dụng chính sách của Nhà nước cho phù hợp với điều kiện của mỗi nơi, đã tạo ra cơ sở pháp lý để các mô hình QLRCĐ ở địa phương có thể được hình thành và mở rộng. Tuy nhiên, sự vận dụng các chính sách nói trên mới chỉ được thực thi ở phạm vi hẹp. Trong thực tiễn quản lý rừng hiện nay ở các tỉnh, vai trò tham gia của cộng đồng dân cư địa phương ngày càng trở nên quan trọng và cấp thiết, nhưng nhiều yêu cầu bức xúc từ phía cộng đồng dân cư chưa được thực hiện do các tỉnh sợ làm sai với chính sách của Trung ương.

Như vậy, trên thực tế rừng cộng đồng vẫn tồn tại ở nhiều địa phương trong cả nước và ngày càng có vị trí quan trọng trong hệ thống quản lý tài nguyên rừng ở

Việt Nam. Theo số liệu thống kê ban đầu của Cục Kiểm Lâm, diện tích đất lâm nghiệp (có rừng và không có rừng) do cộng đồng tham gia quản lý là 2.348.390 ha, chiếm 15,5% diện tích đất lâm nghiệp toàn quốc. Trong số này, diện tích đất lâm nghiệp được Nhà nước giao cho cộng đồng quản lý, sử dụng lâu dài (theo quyết định của UBND các cấp có thẩm quyền) là: 1.211.000 ha, chiếm 51,2% tổng diện tích đất lâm nghiệp mà cộng đồng đang tham gia quản lý. Hình thức cộng đồng tham gia bảo vệ và gây trồng rừng hiện có ở 1.203 xã, thuộc 146 huyện, trên địa bàn 24 tỉnh, thành phố. Rừng cộng đồng tại các địa phương thường có nguồn gốc như sau:

- Rừng cộng đồng hình thành từ lâu đời qua nhiều thế hệ; cộng đồng tự quản lý theo luật tục truyền thống. Rừng được bảo vệ không phải vì mục đích kinh tế mà còn do quan niệm tín ngưỡng và để phục vụ cho các nhu cầu đời sống và sản xuất.

- Rừng cộng đồng hình thành từ khi chính quyền địa phương thực hiện giao đất, giao rừng cho cộng đồng quản lý, sử dụng lâu dài vào mục đích lâm nghiệp.

- Rừng và đất lâm nghiệp do cộng đồng nhận khoán bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh và trồng rừng của các tổ chức Nhà nước.

Tuy nhiên, hiện nay vẫn còn những khó khăn và cản trở đến quá trình phát triển rừng cộng đồng ở Việt Nam. Trong nhiều trường hợp, đã có sự đồng nhất giữa khái niệm "cộng đồng" với khái niệm "tập thể" (hợp tác xã) và "tổ chức xã hội", vì thế chưa phân biệt rõ các loại rừng mà cộng đồng quản lý. Do cộng đồng chưa được công nhận như là một chủ thể, một đối tượng được giao đất nên không có đủ các quyền lợi và nghĩa vụ, bởi vậy, đã không chủ động trong công tác bảo vệ và gây

trồng rừng. Mặt khác, khi có các vụ vi phạm vào rừng cộng đồng thì gặp nhiều khó khăn trong xử lý trách nhiệm.

Qua nghiên cứu cho thấy, yếu tố quyết định sự thành công của hệ thống QLRCĐ là Nhà nước cần thừa nhận quyền sử dụng đất lâu dài của cộng đồng; cộng đồng cần có các hình thức tổ chức quản lý rừng thích hợp với điều kiện đặc thù; cộng đồng được tổ chức chặt chẽ và phân chia sản phẩm thu lợi từ rừng trên cơ sở bình đẳng giữa các thành viên. Điều kiện để có thể tiến hành giao đất, giao rừng cho cộng đồng dân cư làng (bản) quản lý, sử dụng lâu dài bao gồm:

- Cộng đồng có truyền thống tự quản lý rừng.

- Cuộc sống của các thành viên trực tiếp gắn bó với rừng và sản phẩm rừng.

- Trưởng làng (bản) có tinh thần trách nhiệm cao. Cộng đồng được chính quyền địa phương quan tâm giúp đỡ.

Tuy nhiên, để QLRCĐ được tốt, phải thực hiện xây dựng quy ước quản lý, bảo vệ rừng có sự tham gia của người dân làng (bản), vì đó là một biện pháp hết sức cần thiết để nâng cao hiệu lực của những cam kết và trách nhiệm của cộng đồng trong bảo vệ và phát triển rừng cộng đồng. Muốn các quy ước này thực sự được người dân áp dụng, cần có môi trường chính sách và không thể thiếu được sự nhất trí, ủng hộ của chính quyền địa phương.

Hình thức QLRCĐ là đa dạng, và hình thức quản lý rừng theo cộng đồng làng (bản) và nhóm hộ đang được các tỉnh quan tâm nhất. Ngoài ra, có thể xây dựng các hình thức phối hợp giữa cộng đồng địa phương và các tổ chức Nhà nước và cấp chính quyền xã trong bảo vệ và gây trồng rừng. Điều đó có tác dụng chuyển dần một

số trách nhiệm và quyền hạn trong quản lý rừng cho các nhóm cộng đồng, thực hiện tốt các chính sách của Nhà nước, đáp ứng nhu cầu cho sự phát triển cộng đồng, khiến tài nguyên rừng được bảo vệ và phát triển tốt.

Từ kết quả phân tích chính sách liên quan đến QLRCĐ, có thể rút ra một số kết luận sau:

Cho đến nay, ở nước ta còn thiếu những cơ sở pháp lý và khuôn khổ chính sách đối với QLRCĐ. Hình thức quản lý này chưa được thông suốt đối với các nhà quản lý, các nhà lập pháp, các nhà lập chính sách, đặc biệt ở cấp vĩ mô. Có ý kiến còn cho rằng, QLRCĐ cũng phải có đầy đủ các thể chế, thủ tục hành chính về thành lập, giải thể cộng đồng như các tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị - xã hội khác. Tuy nhiên, hình thức QLRCĐ vẫn đang tồn tại như một xu thế khách quan do yêu cầu của chính thực tiễn đặt ra và ngày càng có vị thế trong hệ thống quản lý rừng ở Việt Nam. Đây là một bất cập giữa hành lang pháp lý hiện hành với thực tiễn trong lĩnh vực quản lý tài nguyên rừng ở nước ta.

Tại nhiều địa phương, đã xuất hiện nhiều mô hình QLRCĐ có hiệu quả, thu hút người dân tham gia quản lý rừng. Hệ thống QLRCĐ có thể được phát triển ở những vùng địa lý khác nhau, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, vùng cao. Tuy nhiên, hình thức quản lý này phải linh hoạt để có thể phù hợp với truyền thống, tập quán, điều kiện địa lý tự nhiên và kinh tế - xã hội của từng dân tộc ít người ở các vùng miền núi Việt Nam.

Phát triển hình thức QLRCĐ là hoàn toàn phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước về xã hội hoá nghề rừng, nhằm phát huy nội lực, huy động nguồn lực sẵn

có của các cộng đồng trong công tác bảo vệ và phát triển rừng, góp phần tích cực vào việc thực hiện có hiệu quả chương trình trồng mới 5 triệu ha rừng đến năm 2010.

## II. ĐỀ XUẤT KHUÔN KHỔ CHÍNH SÁCH VÀ GIẢI PHÁP HỖ TRỢ CHO VIỆC ĐẨY MẠNH QLRCĐ Ở VIỆT NAM

### 2.1. Đề xuất khuôn khổ chính sách nhằm hỗ trợ quản lý rừng cộng đồng

Xây dựng khuôn khổ chính sách hỗ trợ QLRCĐ chính là việc thiết lập một khung pháp lý nhằm đảm bảo cộng đồng tham gia quản lý rừng với tư cách như một chủ rừng thực sự, được hưởng các lợi ích và được Nhà nước bảo hộ như các tổ chức khác trong quá trình tham gia bảo vệ và phát triển rừng. Do vậy, khuôn khổ chính sách cần đảm bảo các yếu tố sau:

*a. Nhà nước cần khẳng định vị trí pháp lý của cộng đồng dân cư làng (bản) và thừa nhận hình thức quản lý rừng cộng đồng là một loại hình quản lý tồn tại song song với các hình thức quản lý tài nguyên rừng khác.*

Để thực hiện được điều này, cần tiến hành các việc sau:

- Bổ sung vào Luật Dân sự (1995) về việc cộng đồng dân cư làng (bản) là một pháp nhân, song không nhất thiết phải có những thủ tục hành chính về thành lập, giải thể giống như các tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị - xã hội khác.

- Nhà nước cần thừa nhận hình thức QLRCĐ là một loại hình quản lý tồn tại song song với các hình thức quản lý khác.

- Ban hành một văn bản dưới luật hướng dẫn về cấu trúc, các loại hình cộng đồng (cộng đồng dân cư làng, bản, nhóm họ...); quyền và nghĩa vụ của lãnh đạo cộng đồng.

- Ủy quyền cho UBND huyện có quyền đăng ký và công nhận cộng đồng nếu cộng đồng đáp ứng được các tiêu chí của một pháp nhân.

*b. Nhà nước tiến hành giao đất, giao rừng cho cộng đồng làng (bản) quản lý và sử dụng lâu dài; thừa nhận cộng đồng như một chủ rừng, được pháp luật bảo hộ và bình đẳng với các loại hình tổ chức khác trong quá trình bảo vệ và phát triển rừng.*

Đề nghị Nhà nước bổ sung vào Luật đất đai, Luật Bảo vệ và phát triển rừng việc cộng đồng là một đối tượng được giao đất lâm nghiệp. Nhà nước thực hiện giao đất, giao rừng cho cộng đồng quản lý, sử dụng lâu dài đối với những trường hợp sau:

- Diện tích rừng và đất lâm nghiệp mà cộng đồng đã quản lý từ lâu đời nhưng chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công nhận về pháp lý.

- Diện tích đất lâm nghiệp hiện do UBND xã (hoặc lực lượng kiểm lâm sở tại) quản lý theo tinh thần Quyết định 245/TTg ngày 21/12/1998 của Thủ tướng Chính phủ.

- Diện tích rừng phòng hộ có tác dụng giữ nguồn nước và phòng hộ cục bộ, phân tán, có diện tích dưới 5.000 ha.

- Các khu rừng phân bố xa khu dân cư mà các hộ gia đình không có khả năng quản lý hoặc không dám nhận; diện tích rừng tiếp giáp giữa hộ gia đình không có khả năng quản lý hoặc không dám nhận; diện tích rừng tiếp giáp giữa các thôn, xã, huyện, tỉnh; diện tích rừng mà các hộ gia đình, cá nhân hay tổ chức quản lý không có hiệu quả.

- Các loại rừng khoanh nuôi tái sinh, rừng đang phục hồi và rừng có trữ lượng nhưng diện tích nhỏ, phân tán.

*c. Trong khi chờ đợi sửa đổi, bổ sung vào Luật Đất đai, Luật Bảo vệ và phát triển rừng, điều khoản ghi nhận cộng đồng là một đối tượng được giao đất lâm nghiệp, nên thực hiện một số vấn đề sau:*

- Chủ tịch UBND huyện có quyền ra quyết định giao đất lâm nghiệp cho cộng đồng nhưng chưa nhất thiết phải cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ) cho cộng đồng.

- Quy định rõ loại rừng cần giao cho cộng đồng quản lý và sử dụng ổn định lâu dài.

- Nhà nước cần hợp pháp hoá những diện tích rừng được các cộng đồng tự quản lý theo truyền thống.

*d. Đề nghị Nhà nước công nhận cộng đồng là một đối tượng được vay vốn đầu tư và được hưởng ưu đãi đầu tư khi tham gia quản lý, bảo vệ và xây dựng rừng.*

Đề nghị bổ sung vào Luật Khuyến khích đầu tư trong nước việc cộng đồng là một đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư khi tham gia vào các hoạt động lâm nghiệp.

Cộng đồng tham gia quản lý rừng phòng hộ và rừng đặc dụng cũng được hưởng chế độ hiện hành theo Quyết định 661/TTg ngày 29/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ. Cộng đồng tham gia quản lý rừng sản xuất được hưởng ưu đãi theo Luật Khuyến khích đầu tư trong nước sửa đổi (1998) và các văn bản dưới Luật như các tổ chức khác, trong đó có Nghị định 43/CP ngày 29/6/1999 của Chính phủ về tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước.

Trong khi chờ đợi, bổ sung vào Luật Khuyến khích đầu tư trong nước, đề nghị Nhà nước ban hành các chính sách sau:

- Hỗ trợ vốn đầu tư ban đầu cho cộng đồng để chăm sóc, bảo vệ rừng trên đất được giao trong thời gian thích hợp.

- Hỗ trợ vốn đầu tư cho cộng đồng để bảo vệ, khoanh nuôi, tái sinh, làm giàu rừng, đặc biệt là rừng quá nghèo kiệt, rừng non mới phục hồi mà hiện nay cộng đồng đang quản lý.

- Với các cộng đồng được giao quản lý rừng phòng hộ cũng được Nhà nước hỗ trợ kinh phí bằng mức hỗ trợ như với các tổ chức Nhà nước.

- Cho phép thành lập quỹ thôn (bản) để bảo vệ, khoanh nuôi, tái sinh và trồng rừng.

*e. Nhà nước cần có chính sách quy định quyền hưởng lợi đối với cộng đồng khi được Nhà nước giao, khoán rừng và đất lâm nghiệp.*

Chính sách hưởng lợi với cộng đồng cần quy định rõ những vấn đề sau đây:

- Cộng đồng được Nhà nước giao rừng phòng hộ để bảo vệ và khoanh nuôi tái sinh rừng sẽ được cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo quy định hiện hành; được thu hái lâm sản ngoài gỗ, được khai thác cây gỗ chết khô, cây đổ gãy, cây sâu bệnh; được khai thác gỗ khi rừng đạt tiêu chuẩn với cường độ khai thác theo quy định.

- Cộng đồng được Nhà nước giao đất lâm nghiệp chưa có rừng thuộc quy hoạch rừng phòng hộ được cấp kinh phí trồng và chăm sóc rừng, được hưởng toàn bộ sản phẩm cây phụ trợ, được hưởng phần lớn giá trị sản phẩm khai thác chính.

- Cộng đồng được Nhà nước giao rừng tự nhiên, quy hoạch rừng sản xuất được hưởng sản phẩm nông lâm kết hợp, sản phẩm tía thưa; được hưởng một phần giá

trị sản phẩm khai thác chính tùy thuộc vào hiện trạng rừng khi giao, lượng tăng trưởng bình quân của rừng, thời gian lao động mà cộng đồng đã bỏ ra để quản lý, bảo vệ và nuôi dưỡng rừng.

- Cộng đồng được giao đất lâm nghiệp chưa có rừng thuộc quy hoạch rừng sản xuất để gây trồng rừng, nếu tự bỏ vốn trồng rừng thì được quyền tự quyết định mục đích và phương thức gây trồng rừng; lựa chọn loại cây trồng, kỹ thuật trồng; được quyền quyết định khai thác và sử dụng lâm sản; được sử dụng một phần đất lâm nghiệp chưa có rừng để sản xuất nông nghiệp phục vụ cho mục đích của cộng đồng, nhưng không quá 20% diện tích được giao.

- Cộng đồng tham gia nhận khoán rừng và đất trồng rừng với các tổ chức Nhà nước được hưởng tiền công khoán và quyền hưởng lợi từ rừng như đối với các tổ chức, hộ gia đình nhận khoán.

Ngoài các chính sách trên, cần chú ý đến một số chính sách khác, như: chính sách khuyến nông, khuyến lâm; chính sách thuế lâm sản, chính sách thị trường, chính sách phát triển nguồn nhân lực và nâng cao năng lực tự quản của cộng đồng...

## **2.2. Đề xuất một số giải pháp cần thực hiện trong thời gian tới**

### **2.2.1. Giải pháp về đất đai**

Trong thời gian tới, cần gắn việc giao đất, giao rừng với quy hoạch sử dụng đất cho thôn (bản). Nếu những cộng đồng được giao đất, giao rừng đã quản lý rừng tốt thì UBND huyện ra quyết định cho cộng đồng đó quản lý, sử dụng lâu dài với tư cách là chủ rừng thật sự. UBND huyện cũng cần xem xét nhằm hợp pháp hoá toàn bộ diện

tích rừng cộng đồng đã tự quản lý từ lâu đời.

Chính quyền địa phương chỉ đạo rà soát lại diện tích rừng và đất trồng rừng của các lâm trường quốc doanh. Đối với diện tích rừng và đất trồng rừng lâm trường không đủ khả năng quản lý hoặc quản lý không hiệu quả thì chuyển giao cho các hộ gia đình, tổ chức và cộng đồng. Tiến hành giao một phần đất rừng chưa giao cho các cộng đồng quản lý, sử dụng lâu dài.

### **2.2.2. Giải pháp về đầu tư**

Đề nghị các tỉnh trích một phần kinh phí từ ngân sách địa phương, từ Dự án 661 để hỗ trợ cộng đồng bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh và trồng rừng. Các tỉnh cần chỉ đạo các làng (bản) xây dựng quỹ bảo vệ và tái tạo rừng của làng (bản), với nguồn thu chủ yếu từ tiền đóng góp của các thành viên trong cộng đồng; tiền hỗ trợ của tỉnh, huyện; tiền đền bù do vi phạm đến rừng cộng đồng; tiền bán lâm sản khai thác ở rừng cộng đồng; tiền hỗ trợ của tổ chức quốc tế thông qua các dự án.

Kinh phí từ chương trình định canh định cư và các chương trình kinh tế-xã hội khác cũng có thể dành một phần cho việc xây dựng rừng cộng đồng.

### **2.2.3. Giải pháp về tổ chức**

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sớm tổ chức nghiên cứu và đề nghị xây dựng chương trình sửa đổi, bổ sung hệ thống pháp lý có liên quan đến QLRCĐ, trước hết là những quy định có liên quan tại Luật Đất đai, Luật Bảo vệ và phát

triển rừng, Luật Khuyến khích đầu tư trong nước.

Trong khi chờ đợi sửa đổi luật, cần nghiên cứu hình thức tổ chức QLRCĐ như thế nào để có thể phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành. Xây dựng chương trình phát triển rừng cộng đồng ở cấp Trung ương và cấp tỉnh cần gắn với dự án trồng mới 5 triệu ha rừng, chương trình định canh định cư.

Các địa phương cần đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền thực hiện Quy ước bảo vệ và phát triển rừng. Chính quyền địa phương phối hợp với cơ quan kiểm lâm chỉ đạo các làng (bản) tổ chức cho dân bàn bạc, rà soát lại quy ước quản lý, bảo vệ rừng để người dân được tham gia vào việc quyết định phương hướng và cách thức quản lý rừng. Những bản quy ước nào chưa hoàn chỉnh cần được bổ sung, sửa đổi.

Các tỉnh tổ chức tổng kết mô hình QLRCĐ, biên soạn tài liệu hướng dẫn và tổ chức tập huấn cho cán bộ xã, thôn (bản) để họ có nhận thức đầy đủ về QLRCĐ, biết cách tổ chức chỉ đạo nhân dân. Cần chú ý phát triển các kỹ năng quản lý rừng, nâng cao năng lực tự quản của cộng đồng và củng cố các tổ chức ở cơ sở tham gia quản lý, bảo vệ rừng.

Hệ thống khuyến nông, khuyến lâm cần được tăng cường để chuyển giao kỹ thuật đến người dân và cộng đồng, đặc biệt là các biện pháp kỹ thuật lâm sản để xúc tiến tái sinh lâm giàu rừng, gây trồng lâm sản ngoài gỗ, phương thức nông lâm kết hợp, kỹ năng điều chế rừng.